



CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

Trụ sở chính
Lô 78-80 Đường 30 tháng 4, Q. Hải Châu, Tp. Đà Nẵng
Tel: 84.511.3655886; Fax: 84.511.3655887
Email: aac@dng.vnn.vn
Website: <http://www.aac.com.vn>

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh
47-49 Hoàng Sa (Tầng 4 Tòa nhà Hoàng Đan)
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: 84.8.39102235; Fax: 84.8.39102349
Email: aac.hcm@aac.com.vn

Số: 117/2015/BCKT-AAC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Vinafor Đà Nẵng

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Vinafor Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 10/02/2015, từ trang 5 đến trang 27, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2014 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2014, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan về lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC

Lâm Quang Tú – Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1031-2013-010-1

Đà Nẵng, ngày 10 tháng 02 năm 2015

Lê Vĩnh Hà – Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1216-2013-010-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu số B 01 - DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/3/2006 và các sửa đổi, bổ sung
có liên quan của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		41.332.264.554	27.251.640.161
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		3.017.435.449	6.982.840.318
1. Tiền	111	5	3.017.435.449	6.982.840.318
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		12.724.180.458	5.735.756.875
1. Phải thu khách hàng	131		13.248.544.056	4.109.008.161
2. Trả trước cho người bán	132		1.222.884.000	3.417.373.062
3. Các khoản phải thu khác	135	6	96.775.269	109.557.619
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	7	(1.844.022.867)	(1.900.181.967)
IV. Hàng tồn kho	140		20.484.573.321	11.970.054.795
1. Hàng tồn kho	141	8	21.654.258.464	14.640.640.402
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.169.685.143)	(2.670.585.607)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		5.106.075.326	2.562.988.173
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	57.766.730	13.396.742
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.529.970.093	232.442.997
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	77.221.154
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	10	1.518.338.503	2.239.927.280
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		19.568.462.882	20.954.188.981
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	6.081.475.961
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Phải thu dài hạn khác	218		-	6.081.475.961
II. Tài sản cố định	220		10.858.905.156	11.659.595.916
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	8.528.686.596	9.329.377.356
- Nguyên giá	222		30.073.260.893	29.167.461.992
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(21.544.574.297)	(19.838.084.636)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	2.330.218.560	2.330.218.560
- Nguyên giá	228		2.330.218.560	2.330.218.560
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	13	7.863.880.233	2.138.000.000
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		2.474.367.500	2.117.000.000
2. Đầu tư dài hạn khác	258		6.157.184.498	21.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(767.671.765)	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		845.677.493	1.075.117.104
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	14	845.677.493	1.075.117.104
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		60.900.727.436	48.205.829.142

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		31.936.045.456	18.662.850.062
I. Nợ ngắn hạn	310		31.730.227.268	18.397.031.874
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	15	21.078.562.952	7.542.603.781
2. Phải trả người bán	312		6.031.184.733	2.987.842.136
3. Người mua trả tiền trước	313		105.179.499	1.716.192.570
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	16	248.856.818	1.954.755.226
5. Phải trả người lao động	315		3.384.636.455	3.423.921.892
6. Chi phí phải trả	316	17	250.715.629	255.715.628
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	18	172.409.663	256.382.935
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		20.478.700	20.196.100
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		438.202.819	239.421.606
II. Nợ dài hạn	330		205.818.188	265.818.188
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Doanh thu chưa thực hiện	338	19	205.818.188	265.818.188
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		28.964.681.980	29.542.979.080
I. Vốn chủ sở hữu	410	20	28.964.681.980	29.542.979.080
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	20	20.182.500.000	20.182.500.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417	20	2.591.370.470	2.181.595.529
3. Quỹ dự phòng tài chính	418	20	3.522.189.478	3.117.664.486
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	20	2.668.622.032	4.061.219.065
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		60.900.727.436	48.205.829.142

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	31/12/2014	31/12/2013
----------	------------	------------

Ngoại tệ các loại	USD	9.749,41	2.688,48
-------------------	-----	----------	----------



Nguyễn Đức Huy

Phụ trách kế toán

Nguyễn Thị Ngọc Hà

Người lập biểu

Thái Văn Khoa

Đà Nẵng, ngày 10 tháng 02 năm 2015

Các Thuyết minh kèm theo từ trang 10 đến trang 30 là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính này

Trang 7